TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v "Ly hôn giữa chị Nh và anh D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Anh Dũng

***- Thư ký phiên toà*:**bà Ngô Thị Vân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 137/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn:anh Trần Thế D, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn –chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày:

Chị và anh Trần Thế D kết hôn ngày 07/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký tại UBND xã L, huyện T. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu gia đình anh D ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 03 con chung. Năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không quan tâm

chăm sóc cho nhau. Gia đình đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là Trần Thị V, sinh ngày 27/12/2002, Trần Minh H, sinh ngày 21/7/2005 và Trần Thế Hải Đ, sinh ngày 23/3/2014. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2019 bị đơn – anh Trần Thế D trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và quá trình sống chung như chị Nh trình bầy là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh D trình bày quá trình chung sống vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình. Vài năm trở lại đây (anh không nhớ chính xác năm) do mâu thuẫn vợ chồng nên anh và chị sống ly thân tuy vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung là Trần Thị V, sinh ngày 27/12/2002, Trần Minh H, sinh ngày 21/7/2005 và Trần Thế Hải Đ, sinh ngày 23/3/2014. Ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chưa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, xử cho chị Nh được ly hôn anh D; Con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài

sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 20 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Nh với bị đơn là anh Trần Thế D đều cư trú thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Trần Thế D: anh Trần Thế D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Thế D kết hôn ngày 07/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 3 con chung. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị Nh và anh D sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị Nh và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa. Nay chị Nh xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Qua làm việc với gia đình anh D và đại diện chính quyền địa phương thì thấy chị Nh và anh D sống ly thân đã lâu mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nh và anh D rất khó có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, HĐXX thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nh được ly hôn anh D.

[4] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị Nh và anh D có 03 con chung là Trần Thị V, sinh ngày 27/12/2002, Trần Minh H, sinh ngày 21/7/2005 và Trần Thế Hải Đ, sinh ngày 23/3/2014. Ly hôn, chị Nh và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị Hồng Nh được ly hôn anh Trần Thế D.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩmđược trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005975 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơnvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang